

Số: 34 /2023/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày 08 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Quy định chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 12**

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Pháp lệnh Công an xã ngày 21 tháng 11 năm 2008;
Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã;
Căn cứ Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;
Xét Tờ trình số 125/TTr-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 64/BC-HĐND-PC ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và các đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, ấp, khu phố, mức khoán kinh phí hoạt động đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với:

1. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.
2. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố.
3. Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, ấp, khu phố.
4. Công an viên thường trực ở xã; Công an viên và chức danh phụ trách Quân sự ở mỗi thôn, ấp, khu phố.
5. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã.
6. Người kiêm nhiệm các chức danh: người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, ấp, khu phố.

Điều 3. Các chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã

1. Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
2. Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.
3. Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ.
4. Phó Chủ tịch Hội Nông dân.
5. Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh.
6. Văn phòng Đảng ủy.
7. Thủ quỹ, văn thư, lưu trữ.
8. Trưởng Ban Thanh tra nhân dân.
9. Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã: Bố trí số lượng 02 đối với đơn vị hành chính cấp xã loại I; bố trí số lượng 01 đối với đơn vị hành chính cấp xã còn lại.
10. Hỗ trợ công tác Kế hoạch - Giao thông - Thủy lợi - Nông - Lâm nghiệp.
11. Hỗ trợ công tác Dân tộc - Tôn giáo.
12. Giúp việc Hội đồng nhân dân cấp xã.
13. Hỗ trợ lĩnh vực Đài truyền thanh - Quản lý nhà văn hóa.
14. Hỗ trợ công tác nội vụ, thi đua khen thưởng.
15. Hỗ trợ công tác giải quyết kiến nghị, đơn thư khiếu nại, tố cáo.

16. Hỗ trợ công nghệ thông tin, bộ phận một cửa, chuyển đổi số và kiểm soát thủ tục hành chính.

17. Hỗ trợ công tác Tư pháp - hộ tịch tại bộ phận một cửa.

18. Hỗ trợ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

Điều 4. Chế độ phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1. Khoản quỹ phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã bao gồm hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế

Mức khoản quỹ phụ cấp để chi trả hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (Sau đây gọi tắt là Nghị định số 33/2023/NĐ-CP).

2. Mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã

Các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng 1,5 lần mức lương cơ sở, trong đó mức phụ cấp thực hưởng là 1,245 lần mức lương cơ sở, số còn lại dùng để đóng các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định.

3. Hỗ trợ thêm đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

a) Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có bằng cấp chuyên môn, nghiệp vụ từ trung cấp trở lên, ngoài mức phụ cấp hàng tháng được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều này hàng tháng được hỗ trợ thêm theo mức sau:

- Có bằng đại học 1,095 lần mức lương cơ sở/tháng;
- Có bằng cao đẳng 0,855 lần mức lương cơ sở/tháng;
- Có bằng trung cấp 0,615 lần mức lương cơ sở/tháng.

Văn bằng tốt nghiệp trình độ đào tạo thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp bằng.

Trường hợp trong thời gian công tác, người hoạt động không chuyên trách có thay đổi về trình độ đào tạo thì được đề nghị xếp hỗ trợ thêm theo trình độ đào tạo mới.

b) Mức hỗ trợ thêm theo điểm a khoản 3 Điều này không dùng để tính đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, phụ cấp thôi việc và phụ cấp kiêm nhiệm.

Điều 5. Chế độ phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố

1. Khoản quỹ phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố

Mức khoản quỹ phụ cấp để chi trả hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở mỗi thôn, ấp, khu phố thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

2. Mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố

a) Đối với thôn, ấp có từ 350 hộ gia đình trở lên; khu phố có từ 500 hộ gia đình trở lên; thôn, ấp, khu phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn, ấp, khu phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã ở khu vực biên giới được hưởng mức phụ cấp bằng 2,0 lần mức lương cơ sở/người/tháng. Trường hợp thôn, ấp có từ 350 hộ gia đình trở lên chuyển thành khu phố do thành lập đơn vị hành chính đô thị cấp xã thì được giữ mức mức phụ cấp bằng 2,0 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

b) Đối với các thôn, ấp, khu phố không thuộc quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được hưởng mức phụ cấp bằng 1,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

3. Hỗ trợ thêm đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố có bằng cấp chuyên môn, nghiệp vụ từ trung cấp trở lên

a) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố có bằng cấp chuyên môn, nghiệp vụ từ trung cấp trở lên, ngoài mức phụ cấp hàng tháng được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều này hàng tháng được hỗ trợ thêm theo mức sau:

- Có bằng đại học 0,34 lần mức lương cơ sở/tháng.
- Có bằng cao đẳng 0,24 lần mức lương cơ sở/tháng.
- Có bằng trung cấp 0,14 lần mức lương cơ sở/tháng.

Văn bằng tốt nghiệp trình độ đào tạo thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp bằng.

Trường hợp trong thời gian công tác, người hoạt động không chuyên trách có thay đổi về trình độ đào tạo thì được đề nghị xếp hỗ trợ thêm theo trình độ đào tạo mới.

b) Mức hỗ trợ thêm theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này không dùng để tính phụ cấp thôi việc và phụ cấp kiêm nhiệm.

Điều 6. Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, ấp, khu phố

Chi hỗ trợ cho Phó Trưởng thôn, ấp, khu phố; 01 người trực tiếp giúp Bí thư Chi bộ tham gia hoạt động ở thôn, ấp, khu phố đối với các thôn, ấp, khu phố bố trí Bí thư kiêm Trưởng thôn, ấp, khu phố; 01 người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, ấp, khu phố thuộc mỗi Chi hội đoàn thể (Thanh niên, Phụ nữ, Nông dân, Cựu chiến binh, Chũ thập đỏ và Người cao tuổi) mức hỗ trợ hàng tháng là 500.000 đồng/người/tháng. Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, ấp, khu phố còn được hưởng hỗ trợ từ đoàn phí, hội phí và từ các nguồn thu khác (nếu có).

Điều 7. Quy định cho đối tượng khác

1. Chức danh Công an viên thường trực ở xã

Ở mỗi xã được bố trí không quá 03 Công an viên làm nhiệm vụ thường trực 24/24 giờ tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã hoặc nơi làm việc của Công an xã, xếp mức phụ cấp bằng 1,0 mức lương cơ sở.

2. Chức danh Công an viên và chức danh phụ trách Quân sự ở mỗi thôn, ấp, khu phố được bố trí như sau:

a) Không quá 02 Công an viên đối với thôn, ấp thuộc xã loại I và xã loại II; 01 chức danh Công an viên đối với xã còn lại; mỗi Công an viên được hưởng phụ cấp bằng 0,6 mức lương cơ sở/tháng.

b) 01 chức danh phụ trách Quân sự gọi là Thôn đội trưởng được hưởng phụ cấp bằng 0,6 mức lương cơ sở/tháng.

Điều 8. Việc kiêm nhiệm người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, ấp, khu phố và người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố kiêm nhiệm người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, ấp, khu phố

1. Việc kiêm nhiệm người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, ấp, khu phố thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 20, khoản 4 Điều 34 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP và phải đảm bảo giảm được 01 người trong số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (được Ủy ban nhân dân cấp huyện giao), ở thôn, ấp, khu phố (theo quy định).

2. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ của người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, ấp, khu phố mà giảm được 01 người trong số lượng người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, ấp, khu phố được quy định tại Điều 6 Nghị quyết này thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 100% mức bồi dưỡng của chức danh kiêm nhiệm.

3. Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh cũng chỉ được hưởng 01 mức phụ cấp kiêm nhiệm.

4. Phụ cấp kiêm nhiệm không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, hỗ trợ thôi việc.

Điều 9. Khoản kinh phí hoạt động đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã

1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: Cấp xã loại I: 25 triệu đồng/năm, cấp xã loại II và cấp xã loại III: 22 triệu đồng/năm.

2. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: Cấp xã loại I: 22 triệu đồng/năm, cấp xã loại II và cấp xã loại III: 19 triệu đồng/năm.

3. Hội Liên hiệp Phụ nữ: Cấp xã loại I: 25 triệu đồng/năm, cấp xã loại II và cấp xã loại III: 22 triệu đồng/năm.

4. Hội Nông dân: Cấp xã loại I: 20 triệu đồng/năm, cấp xã loại II và cấp xã loại III: 18 triệu đồng/năm.

5. Hội Cựu chiến binh: Cấp xã loại I: 18 triệu đồng/năm, cấp xã loại II và cấp xã loại III: 16 triệu đồng/năm.

Điều 10. Hỗ trợ thôi việc

1. Đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

a) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã công tác trong thời gian từ ngày thành lập tỉnh Bình Phước 01 tháng 01 năm 1997 đến trước ngày

01 tháng 01 năm 2016, khi nghỉ việc được hỗ trợ thôi việc 01 lần, cứ mỗi năm công tác được hưởng một tháng mức phụ cấp hiện hưởng.

b) Chế độ thôi việc đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có thời gian công tác từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 trở đi do Bảo hiểm xã hội giải quyết.

2. Đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố trong thời gian từ ngày thành lập tỉnh Bình Phước 01 tháng 01 năm 1997 trở đi, khi nghỉ việc được hỗ trợ thôi việc 01 lần, cứ mỗi năm công tác được hỗ trợ một tháng mức phụ cấp hiện hưởng của chức danh đang đảm nhận.

3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể việc hỗ trợ thôi việc.

Điều 11. Nguồn kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách

1. Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp, phụ cấp kiêm nhiệm thuộc các chức danh người hoạt động không chuyên trách cấp xã; người hoạt động không chuyên trách ở thôn, ấp, khu phố theo quy định Điều 4, Điều 5 Nghị quyết này nằm trong mức khoán kinh phí chi phụ cấp cho các chức danh không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, ấp, khu phố theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 34 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

2. Kinh phí chi trả hỗ trợ thêm theo bảng cấp cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, ấp, khu phố theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành. Trường hợp các địa phương gặp khó khăn trong việc cân đối, báo cáo ngân sách tỉnh xem xét hỗ trợ.

3. Kinh phí chi hỗ trợ hàng tháng cho người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, ấp, khu phố:

- Ngân sách cấp xã: 250.000đ/người/tháng từ kinh phí hoạt động thường xuyên của cấp xã, phường, thị trấn được quy định tại Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh và các nguồn kinh phí khác của cấp xã. Trong trường hợp ngân sách cấp xã khó khăn trong việc cân đối, báo cáo ngân sách cấp huyện để xem xét, hỗ trợ.

- Ngân sách cấp huyện: 100.000đ/người/tháng.

- Ngân sách tỉnh: 150.000đ/người/tháng.

4. Kinh phí chi phụ cấp cho lực lượng Công an viên thường trực ở xã; kinh phí chi cho chức danh Công an viên, chức danh Thôn đội trưởng ở thôn, ấp, khu phố thực hiện theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước hiện hành.

5. Kinh phí thực hiện khoán kinh phí hoạt động cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội cấp xã từ nguồn khoán chi hoạt động thường xuyên cho các xã, phường, thị trấn đã được khoán theo quy định tại Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

6. Kinh phí thực hiện chế độ thôi việc thực hiện theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

Điều 12. Điều khoản thi hành

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành quy định về số lượng, chức danh và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, ấp, khu phố và các đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Nghị quyết số 31/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về số lượng, chức danh và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, ấp, khu phố và các đối tượng khác công tác ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, ấp, khu phố ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TTTU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TTHĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Công báo tỉnh (VP UBND tỉnh);
- LĐVP, các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH *Phục*



Huỳnh Thị Hằng